CHUYÊN MỤC

SỬ HỌC-NHÂN HỌC-NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

ĐÀNG TRONG NHÌN TỪ CÁC KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ(*)

VŨ THỊ XUYẾN*

Khi khảo cứu về thương mại xứ Đàng Trong thế kỷ XVI - XVIII, các nhà nghiên cứu thường nhấn mạnh đến vai trò của các nguồn hàng và thương phẩm. Đây được coi là xương sống tạo nên sự vận hành các mối quan hệ kinh tế của Đàng Trong. Không thể phủ nhận rằng chính sự đa dạng của các không gian địa lý là nhân tố quan trọng tạo nên sự phong phú, đa dạng của các chủng loại hàng hóa, đáp ứng nhu cầu cao của nhiều thuyền buôn ngoại quốc. Chính quyền Thuận Hóa bằng những chính sách thoáng mở và độc đáo đã kéo giãn và kết nối được các không gian trên lãnh thổ Đàng Trong, thu về nhiều mối lợi về kinh tế và khẳng định uy thế vững chắc của Đàng Trong trong khu vực.

Từ khóa: Đàng Trong, Thuận - Quảng, chúa Nguyễn, không gian địa lý

Nhận bài ngày: 10/10/2018; đưa vào biên tập: 11/10/2018; phản biện: 17/10/2018; duyệt đăng: 25/10/2018

Trong dòng chảy của lịch sử dân tộc, sự kiện năm 1600(1) Nguyễn Hoàng chính thức từ bỏ tham vọng chính trị ở Thăng Long, lên thuyền trở về Thuận Hóa(2) mang một ý nghĩa to lớn. Cũng từ đây, vị chúa khởi nghiệp của họ Nguyễn đã khẳng định quyết tâm "xẻ đôi sơn hà", xây dựng một chính thể độc lập với Đàng Ngoài ở bờ bên kia sông Gianh (Quảng Bình), với tên gọi là Đàng Trong mà người phương Tây trong các tập du ký, nhật trình thám hiểm gọi là Cochinchina (hay Cochinchine). Là người kế thừa xuất sắc lời ủy thác của tiên hoàng trước lúc qua đời, năm 1620, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (Cq: 1613 - 1635) đã quyết định xóa bỏ lệ thuế cống hàng năm cho Đàng Ngoài. Hành động dứt khoát ấy của chúa Sãi đã khẳng định ý định muốn thoát khỏi vòng kiềm tỏa của chính quyền Thăng Long cả về chính trị và văn hóa. Đặt trong dòng chảy của lịch sử Đàng Trong, các nhà nghiên cứu cho rằng đây cũng chính là sự kiện trực tiếp

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

gây nên cuộc chiến tranh không phân thắng bại kéo dài gần 50 năm (1627 - 1672) giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn. Những hệ quả to lớn về mặt kinh tế, xã hội của cuộc chiến không cân sức giữa hai tập đoàn phong kiến là điều không thể phủ nhận. Tuy nhiên, hơn 200 năm trong thế cuộc cát cứ (1558 - 1777), một mô hình "Việt Nam khác" (Li Tana, 1998) với nền tảng kinh tế thương mại năng động, khoáng đạt nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam đã được hình thành và phát triển rực rỡ ở bên kia Đèo Ngang. Chúa Nguyễn bằng nhiều chính sách hợp thời, hợp lòng người[3], đã mang lại sự hồi sinh cho chốn "*Ô châu ác địa*", vốn dung chứa nhiều khác biệt về nền tảng kinh tế, chính trị, văn hóa với Đàng Ngoài. Khởi nghiệp ở vùng đất Thuận Hóa (thủ phủ Ái Tử - Quảng Trị) vào thế kỷ XVI, cho đến thế kỷ XVIII, không gian địa lý của Đàng Trong đã được kéo giãn không ngừng về phương Nam. Đó là sự mở rộng của không gian đồng bằng, không gian núi rừng và không gian biển và hải đảo. Là những người trưởng thành trên vùng văn hóa châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Lam, cốt cách "xa rừng nhạt biển", hay quan niệm "rừng thiêng nước độc" hẳn phần nào cũng ăn sâu vào tâm thức của những người đi mở cõi Đàng Trong. Tuy nhiên, trong một môi trường chính trị phức tạp, tiềm năng kinh tế đa dạng, Nguyễn Hoàng buộc phải "kiềm chế những tính xấu và phát huy những bản tính tốt đẹp trong con người ông" (Trần Quốc Vượng, 2006: 83), để thâu nhận sự khác biệt, phát huy hết tiềm năng phong phú của vùng đất mới. Đặt Đàng Trong từ điểm nhìn là các không gian địa lý để làm nổi bật những điều kiện phát triển kinh tế của chúa Nguyễn, bài viết nhằm khắc họa đặc tính kinh tế đa dạng, cởi mở, năng động đã được chúa Nguyễn áp dụng trong mô hình kinh tế xứ Đàng Trong.

1. KHÔNG GIAN ĐỒNG BẰNG

Từ chiều sâu lịch sử, không gian đồng bằng luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự hình thành của các nền văn hóa, văn minh. Trong ý nghĩa đó, với Đàng Ngoài những nguồn lợi mà châu thổ sông Hồng, sông Mã (nguồn phù sa chính tạo nên đồng bằng Thanh Hóa), sông Lam (đồng bằng Nghệ - Tĩnh) là điều không thể phủ nhận. Khác với Bắc Bộ, không gian đồng bằng chiếm diện tích áp đảo, dạng thức địa lý *một đèo, một đèo rồi lại một đèo*, cùng những dãy núi ăn sâu ra tận biển đã kiến tạo nên những đồng bằng nhỏ hẹp của xứ Thuận - Quảng. Trong điều kiện địa lý đó, từ rất sớm, không gian trồng lúa, hoa màu luôn được cư dân Thuận Hóa tận dụng một cách tối đa. Hơn nữa, đây đều là những đồng bằng mới được khai thác nên vẫn cho năng suất cao. Có mặt ở Đàng Trong trước khi Nguyễn Hoàng khai mở vùng đất này, tác giả *Ô châu cận lục* cũng chia sẻ về những điều kiện thuận lợi này của xứ Thuận Hóa: "Đồng bằng lấy nông tang làm cơ nghiệp. Bờ biển sống bằng nghề cá muối. Thổ nghi chẳng thiếu

một thứ gì. Rượu tăm rất ngon. Hải vị sơn hào, của nhiều chan chứa. Cá tôm sẵn ở hồ, ở biển, xứ nào cũng có. Gỗ cây lấy ở núi, ở rừng, tùy ý mà dùng đủ cả... đất đai phì nhiêu nên được thóc mà không cần dùng công khó nhọc" (Dương Văn An, 2009: 41). Đến Đàng Trong năm 1621, nhà truyền giáo Christopho Borri không khỏi ngạc nhiên về sự trù phú của xứ Đàng Trong. Ông cho rằng, đây là "lãnh thổ có khí hậu và các mùa khác nhau rất dễ chịu để ở. Lãnh thổ có rất nhiều đồng ruộng thênh thang và phì nhiêu, với mọi thứ lương thực, lúa thóc, trái cây, chim chóc và thú vật, biển thì vô số các loài cá rất thơm ngon (Cristophoro Borri, 1998: 128). Đồng thời, tác giả cũng khẳng định cơ sở của sự giàu có này là vì "đất màu mỡ và phì nhiêu nên mỗi năm có ba vụ lúa, đầy đủ và dồi dào đến nỗi không ai phải lam lũ vất vả để sinh sống, ai cũng sung túc" (Cristophoro Borri, 1998: 19). Cũng trong cái nhìn của những nhà "Việt Nam học" đầu tiên, hơn 7 thập kỷ sau, năm 1695 nhà sư người Hoa Thích Đại Sán đến vương quốc của Minh vương Nguyễn Phúc Chu (Cq: 1691 - 1725) cũng khẳng định sự phì nhiêu trên những cánh đồng của Đàng Trong: "Hai bờ lúa ruộng xanh xanh chờ trổ bông, hỏi thăm, nghe nói ruộng không bỏ phân, một năm làm đến ba mùa cũng khá tốt" (Thích Đại Sán, 1963: 32).

Do luôn phải chịu sức ép về quân sự, chính trị từ chính quyền Thăng Long, những nhà cầm quyền Đàng Trong luôn nhất quán chủ trương mở rộng không gian cư trú về phía Nam. Trong hành trình ấy, việc tiến xuống khai phá, chia dân, lập ấp, khẳng định chủ quyền ở vùng đất Gia Định, Hà Tiên (Nam Bộ ngày nay) đã góp phần quan trọng mở rộng không gian canh tác, cư trú ở đồng bằng. Sự kiện năm 1679 chúa Nguyễn Phúc Tần (Cq: 1648 - 1687) cho phép những người Hoa tị nạn, đứng đầu là Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch được vào khai phá vùng đất Nam Bộ: "Hy Tông, Vĩnh Trị năm thứ 4 (1679), Kỷ Mùi, tháng 5, bề tôi vong mệnh của nước Đại Minh là Long Môn tướng quân Dương Ngạn Địch đem hơn 50 chiến thuyền và hơn 3.000 quân đến đóng ở ngoài cửa Tư Dung và cửa Đà Nẵng, sợ quân Thuận Hóa mạnh giỏi không dám vào. Trấn thủ cửa Tư Dung cho người ra hỏi. Ngạn Địch dựng cờ trắng hàng. Phúc Tần khiến đến ở đất Cao Miên, bảo vua Cao Miên chia đất, cho Ngạn Địch ở cửa biển Mỹ Tho, kết làm anh em, khiến hằng năm cống hiến" (Lê Quý Đôn, 2007: 76-77), đã cho thấy quyết tâm khai phá, làm chủ vùng đồng bằng phía Nam rộng lớn của chính quyền Đàng Trong. Theo *Gia Định thành thông chí* thì "khi ấy địa đầu trấn Gia Định là hai xứ Mỗi Xoài, Đồng Nai (đất trấn Biên Hòa ngày nay) đã có dân lưu tán của nước ta cùng ở lẫn với người Cao Mên, để khai khẩn ruộng đất, mà người Cao Mên sợ phục uy đức của triều đình, lại nhường mà tránh, không dám tranh giành ngăn trở" (Trịnh Hoài Đức, 1998: 75). Trước những tiềm lực phát triển của vùng đất mới, thời chúa Nguyễn

Phúc Chu, ông đã đi đến một quyết định táo bạo đó là thiết lập quyền quản lý hành chính lên vùng đất Gia Định, thông qua việc thành lập Phủ Gia Định năm 1698 (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tập 1: 111). Cùng với việc thiết lập quyền quản lý về mặt hành chính đối với những cư dân người Việt cư trú tại đây, Minh vương còn tổ chức người Hoa thành những đơn vị cư trú chặt chẽ, quy củ hơn, lấy người Thanh đến buôn bán ở Trấn Biên lập làm xã Thanh Hà, ở Phiên Trấn lập làm xã Minh Hương. Từ đó người Thanh ở buôn bán đều thành dân của Đàng Trong (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tập 1: 111). Có thể nói đặt trong dòng chảy Nam tiến của dân tộc, sự kiện năm 1698 mang ý nghĩa chính trị, kinh tế và hành chính to lớn. Không gian cư trú rộng lớn tại vùng đất Gia Định, cùng nguồn thóc lúa dồi dào tại đây đã giúp chúa Nguyễn giải quyết được áp lực cấp bách về dân số và mở rộng lãnh thổ về phía nam. Đồng thời, nguồn thóc gạo của vùng đồng bằng mới khai phá còn là nguồn hàng xuất khẩu quan trọng của Đàng Trong vào thế kỷ XVIII. Không chỉ đáp ứng nhu cầu về lương thực, đất Gia Định còn giúp chúa Nguyễn khẳng định vị thế kinh tế, chính trị, quân sự vượt trội của Đàng Trong ở vùng biển Tây (vịnh Xiêm).

2. KHÔNG GIAN NÚI RỪNG

Cùng với không gian của đồng bằng thì không gian của núi rừng sừng sững chạy dọc sườn phía tây của Đàng Trong cũng là bộ phận quan trọng tạo nên bức tranh địa lý đa dạng của xứ Thuận - Quảng. Nơi đây được biết đến với sự kỳ bí, hoang sơ của rừng già, của những ngọn núi cao vút, cùng nhiều nét văn hóa khác biệt của những tộc người cao nguyên. Khi có mặt ở Đàng Trong, những nhà truyền giáo, nhà du hành phương Tây, đều giới hạn vùng núi phía Tây là nơi cư trú của người Thượng (người Mọi). Năm 1621, giáo sĩ người Ý Cristophoro Borri (1998: 13) đã cho biết về lãnh thổ của người Thượng như sau: “Xứ Đàng Trong trải dài hơn một trăm dặm theo bờ biển, ở vĩ tuyến 11, cho tới khoảng vĩ tuyến 17, chỗ bắt đầu quốc gia của chúa Đàng Ngoài. Bề rộng không lớn lắm, chỉ chừng hai mươi dặm Ý, đất bằng, một bên là biển, một bên là dãy núi chạy dài có Kẻ Mọi ở. Họ đóng đô và chiếm giữ miền núi rất hiểm trở. Cùng chung với nhận định này, trong các bức thư gửi về Pháp, các giáo sĩ thừa sai khi có mặt tại Đàng Trong truyền đạo vào thế kỷ XVII cũng cung cấp những thông tin tương đồng” (Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2013: 32).

Sự nguyên sơ cùng những huyền thoại linh thiêng về rừng đã ngăn cản cố gắng của người miền xuôi tiến sâu vào miền ngược. Đại ngàn Trường Sơn vì thế mà vẫn còn bảo tồn nguyên vẹn nhiều loại gỗ quý và sản vật dồi dào, là một nguồn lợi không nhỏ vào thời các chúa Nguyễn. Những miêu tả đầy sinh động của những người ngoại quốc tại Đàng Trong thế kỷ XVII, hay những biên

chép chi tiết trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn đã cho thấy một màu xanh rộng lớn bao phủ nhiều ngọn núi của rừng già, cùng với hệ động vật phong phú ở vùng núi phía Tây Trung Kỳ và Tây Nguyên suốt thời cầm quyền của chúa Nguyễn. Miêu tả về các loại gỗ, Lê Quý Đôn (2007: 412-413) cho biết: "Hai xứ Thuận Quảng cho loại gỗ tốt nhất là gỗ hoa lê, tục gọi là trắc mật, thớ nhỏ mịn, có mùi thơm như mía nướng, màu sắc trước đỏ sau đen, tính bền không mọt, người ta phần nhiều dùng làm rương, hòm, ghế, bàn, đòn kiệu và các đồ dùng, có thứ tên là thai bài, sắc trắng như ngà voi, uốn không gãy, có thể làm cán giáo và làm côn rất dài. Gỗ hồng, tục gọi là gỗ sơn, sắc đỏ vàng như sơn dầu, bền chắc mềm mịn, gỗ giáng hương keo thì sắc tía vàng, tính rất bền, hoa văn xoáy tròn, có khi như người xoay trôn ốc, tiện làm đồ dùng, cưa làm rương hòm đều tốt".

Trong mắt một thương nhân người Pháp thế kỷ XVIII thì: "Đàng Trong tràn ngập những ngọn núi, phong phú với những loại gỗ xây dựng và những loại khác thích hợp cho sản xuất các đồ dùng. Rất phổ biến khi nhìn thấy ở đây những tấm gỗ lát sàn dài khoảng 25 mét, đẹp và hoàn hảo như gỗ sồi. Gỗ ở đây rất rẻ. Chỉ có lực lượng lao động và khoảng cách (vận chuyển) làm tăng giá của chúng" (Pierre Poirve, 1993: 92). Trong bạt ngàn những loại gỗ quý của rừng già Trường Sơn thì kỳ nam và trầm hương (Lê Quý Đôn, 2007: 426) được cho là những nguồn hàng mang lại giá trị kinh tế lớn nhất. Do hạn chế về số lượng, những khó khăn khi thâm nhập sâu vào những ngọn núi cao để thu hoạch nguồn hàng này, cùng công dụng vượt bậc của trầm hương và kỳ nam nên chúa Nguyễn đã đặc biệt sử dụng sản vật này trong các nghi thức ngoại giao, thiết lập các mối quan hệ bang giao và thương mại với người ngoại quốc. Khi miêu tả về trầm hương và kỳ nam của Đàng Trong, nhà truyền giáo Cristophoro Borri gọi mặt hàng này là *thứ quý nhất xuất phát từ Đàng Trong ra nước ngoài*: "Đó là thứ gỗ nổi tiếng gọi là aquila và calamba (trầm hương và kỳ nam); cùng loại gỗ nhưng khác về tác dụng và sự quý chuộng người ta dành cho chúng, loại cây này có rất nhiều, nhất là trên núi của Kẻ Mọi, cây rất to và rất cao. Nếu gỗ cắt ở thân cây non thì là trầm hương, có rất nhiều và ai muốn lấy bao nhiêu tùy thích. Nhưng khi lấy ở gốc già thì đó là kỳ nam rất khó kiếm, vì hình như thiên nhiên cho những cây đó mọc lên ở những ngọn núi cao nhất và hiểm trở nhất để được thảnh thơi và già cỗi đi, không ai làm hại được mình" (Cristophoro Borri, 1998: 34). Giá trị của mặt hàng này lớn tới mức chỉ một tàu chở đầy trầm hương cũng đủ làm cho thương gia trở nên sung túc suốt đời (Cristophoro Borri, 1998: 36).

Cùng với giá trị to lớn của nguồn gỗ trên đại ngàn Trường Sơn, hệ động vật phong phú và hoang dã cũng mang đến cho nơi này nguồn sản vật dồi dào. Tác phẩm *Phủ biên tạp lục* đã

miêu tả chi tiết những mặt hàng này như sau: "Nguồn Cơ Sa ở Châu Bố Chính, sản xuất ngà voi, màn hoa, gối hoa, lụa, mật ong, sáp vàng, nhựa trám, gỗ lim, gỗ vàng tâm, trúc thanh bì (lồ ô). Nguồn An Đại ở huyện Khang Lộc, sản xuất trầm hương, tốc hương, hoàng đàn, sinh hương, mật ong, sáp vàng, hoàng đằng, lông chim trĩ, diêm tiêu. Nguồn Kim Trà ở ngã ba sông huyện Kim Trà sản xuất mít nài, chiếu mây, chè tước thiệt, sa nhân. Nguồn Viên Kiều ở đầu nguồn huyện Hải Lăng, tức là các trang sách châu Thuận Bình, sản xuất ngà voi, màn hoa, vỏ gai, bông vải, bông gòn. Nguồn Cảo Cảo ở đầu nguồn huyện Võ Xương, tức là các trang sách của châu Sa Bôi, sản xuất ngà voi, màn hoa, trầm hương, tốc hương, bạch truật, mộc hương, vỏ gai, bông vải, bông gòn" (Lê Quý Đôn, 2007: 127). Đến Đàng Trong năm 1792, J. Barrow (2008: 114) cũng ghi chép về những nguồn lâm sản này như sau: "Ngoài ra, xứ Nam Hà còn cung cấp nhiều sản phẩm có giá trị như cánh kiến, nhựa cây Căm bốt màu vàng, chàm, ngà voi, bông, tơ sống". Những sản vật này đã mang lại lợi nhuận to lớn cho các nhà buôn khi trao đổi tại thị trường khu vực và quốc tế.

3. KHÔNG GIAN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Nếu như không gian của rừng già mang lại nguồn lợi thiên nhiên to lớn cho chính quyền Đàng Trong, không gian của đồng bằng giải quyết được bài toán về lương thực, thì không gian của biển và hải đảo lại đóng vai trò quan trọng bậc nhất trên lãnh thổ của chúa Nguyễn. Bởi chính nơi đây là cửa ngõ giao lưu về kinh tế, truyền tải những giá trị văn hóa của Đàng Trong ra thế giới bên ngoài. Sự phong phú của những hải cảng sâu, kín gió thuận lợi cho sự neo đậu của tàu thuyền thường được miêu tả trong các trang nhật ký của những nhà truyền giáo hay nhà buôn khi đặt chân đến xứ Quảng. Đến Đàng Trong năm 1618 - 1621, giáo sĩ người Ý Cristophoro Borri (1998: 91) đã rất ngạc nhiên: "Còn về hải cảng thì thật lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn một trăm dặm một chút mà người ta đếm được hơn sáu mươi cảng, tất cả đều rất thuận lợi để cập bến và lên đất liền. Là vì ở ven bờ có rất nhiều nhánh biển lớn. Hải cảng đẹp nhất, nơi tất cả người ngoại quốc đều tới và cũng là nơi có hội chợ danh tiếng chính là hải cảng thuộc tỉnh Quảng Nam (Hội An)". Theo Alexandre De Rhodes (1994: 49) thì Đàng Trong thế kỷ XVII: "cũng rất giàu có vì có đất đai phì nhiêu với hai mươi bốn con sông cung cấp nước, cũng nhờ đó mà rất tiện việc đi lại bằng đường sông ngòi, tiện việc thông thương và hành trình". Còn qua miêu tả của nhà sư Thích Đại Sán (1963: 132) thì "cửa biển là cửa ngõ của Vương - đô, Thuận - Hóa, để đi thông qua các phủ khác. Vì đất nước Đại - Việt chỉ là một dãy núi dọc theo mé biển, các đô ấp đều tựa núi day mặt ra biển, núi cao sông hiểm, cây rừng rậm rạp, nhiều tê tượng hùm beo, các phủ không có đường lối thông nhau, mỗi phủ đều do một cửa biển đi vào; muốn đi từ phủ

này sang phủ khác tất do đường biển, thuyền đi biển khó đi gần bờ vì sóng lớn; gặp gió xuôi thì chừng một ngày, nếu ngược thì chừng mười ngày, nửa tháng mới có thể đi thông từ cửa biển này qua cửa khác".

Cùng với hệ thống thương cảng, những hòn đảo ngoài khơi cũng đóng vai trò đặc biệt trong sự kết nối Đàng Trong với thị trường khu vực và quốc tế. Hoạt động giao lưu trao đổi với bên ngoài là nhu cầu tự thân của mỗi quốc gia, với Đàng Trong cũng vậy. Tuy nhiên cho đến thế kỷ XV, dù ngành hàng hải đã phát triển vượt bậc với những con tàu lớn vượt đại dương, đẩy nhanh những phát kiến địa lý của người phương Tây về các châu lục khác, nhưng nhìn chung sự đi lại của những con tàu vượt biển trong giai đoạn cận đại sơ kỳ vẫn phụ thuộc phần lớn vào chế độ gió mùa. Trong lộ trình đó, những cơn bão biển quả là những thách thức lớn với các nhà hàng hải. Chính vì vậy, những hòn đảo ngoài khơi Đàng Trong như Cù Lao Chàm hay Côn Đảo… đã cung cấp một nơi trú ngụ an toàn cho những con thuyền trong hành trình vượt đại dương. Sự có mặt của những hòn đảo ngoài khơi này dường như cũng thúc đẩy những hoạt động trao đổi, bởi đây là nơi "neo đậu, cung cấp những chỉ dẫn về thương mại, nước ngọt, sửa chữa tàu và trong những điều kiện thuận lợi có thể thực hiện những trao đổi thương mại nhỏ" (Charles Wheeler, 2006: 140-141). Một số thương nhân nước ngoài khi đến Đàng Trong đã nhìn thấy tiềm năng của nó và nhanh chóng tìm cách thiết lập quan hệ thương mại với vương quốc của họ Nguyễn. Người Pháp tỏ ra là những thương nhân nhanh nhạy trong quá trình này, những nhân viên của Công ty Đông Ấn Pháp đã mau chóng nhìn ra vai trò của Côn Đảo. Họ cho rằng "Hòn đảo (Côn Đảo - TG) sẽ là nơi trú ẩn cho các tàu của người Châu Âu đi sang Trung Quốc, người ta có thể trú chân vào mùa đông, sửa sang đáy tàu, chữa lại cho chắc chắn đủ mọi loại tàu trong cảng ở phía Bắc bằng các loại gỗ dùng cho xây dựng sẵn có khi cần thiết" (Charles B. Maybon, 2011: 106). Như vậy, dù không đóng vai trò then chốt, quyết định tới sự phát triển, hưng thịnh của nền hải thương Đàng Trong, nhưng những hòn đảo này là điểm dừng chân tránh gió bão lý tưởng cho tàu thuyền khi qua lại vùng biển Đàng Trong, cũng như đảm bảo cho những hoạt động buôn bán với chính quyền Thuận Hóa diễn ra thuận lợi.

Ý thức được tầm quan trọng của không gian biển đảo nên ngay từ thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, Đàng Trong đã từng bước khẳng định tầm ảnh hưởng, chủ quyền của mình trên quần đảo Hoàng Sa[(4)] bằng hình thức hết sức độc đáo đó là thành lập đội Hoàng Sa, với nhiệm vụ thu lượm sản vật và cứu trợ các tàu thuyền gặp nạn trên biển. Khi vào kinh lý xứ Đàng Trong năm 1776, Lê Quý Đôn đã ghi chép lại những hoạt động của đội Hoàng Sa: "Phủ Quảng Ngãi huyện

Bình Sơn có xã An Vĩnh ở gần biển, ngoài biển phía đông bắc có nhiều cù lao, các núi linh tinh hơn 130 ngọn, cách nhau bằng biển, từ hòn này sang hòn kia hoặc đi 1 ngày hoặc vài canh thì đến… Các thuyền ngoại phiên bị bão thường đậu ở đảo này. Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng năm chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Ở đây tha hồ bắt chim cá mà ăn. Lấy được hóa vật của tàu, như gươm ngựa, hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên, cùng là kiếm lượm vỏ đồi mồi, vải hải ba, hải sâm hột ốc vân rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng trở về" (Lê Quý Đôn, 2007: 154-155). Như vậy, cùng với việc quản lý các hoạt động thương mại tại các thương cảng thông qua hệ thống thuế khóa chặt chẽ, chúa Nguyễn từ rất sớm đã ý thức được vị thế của các hòn đảo ngoài khơi trong không gian biển của xứ Đàng Trong. Bằng những hình thức vẫn còn hết sức đơn giản, chúa Nguyễn đã đánh dấu mốc cho việc mở rộng, khẳng định tầm ảnh hưởng trên không gian biển và hải đảo Đàng Trong.

4. MỘT VÀI NHẬN XÉT

Lịch sử của dải đất miền Trung trong suốt chiều dài thời gian và không gian đã chứng kiến sự hưng thịnh, đứt gãy, suy tàn của các quốc gia và nhiều chính thể. Sự hiện hữu của những công trình tháp Chàm đồ sộ, nguy nga trên dải đất miền Trung đã cho thấy sức mạnh kinh tế, sự phát triển trội vượt của nền văn minh Chăm Pa. Một mô hình kinh tế đa dạng (Momoki Shiro, 1999; Trần Quốc Vượng, 2008) đã được người Chăm thực thi để khai thác triệt để nguồn lợi của đất nước, đặc biệt là các mối giao thương. Vì vậy, nền tảng kinh tế của người Chăm gắn liền với không gian của đại dương, của những hòn đảo ngoài khơi xa. Người Chăm là những cư dân đi biển, chinh phục biển và sống nhờ biển điển hình trong lịch sử Việt Nam. Là những người đến sau, mặc dù từ vùng văn hóa đậm dấu ấn Nho giáo nhưng bằng cái nhìn cởi mở và những chính sách hướng biển mạnh mẽ, chúa Nguyễn đã kế thừa xuất sắc những di sản của người Chăm, mang lại sự hồi sinh cho các cảng biển của miền Trung Việt Nam (Trần Quốc Vượng, 1996: 31).

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, mô hình kinh tế mà chúa Nguyễn thực thi trên lãnh thổ Đàng Trong là mô hình kinh tế lai tạp (Andrew Hardy, 2008), hay nói cách khác là chúa Nguyễn đã thực thi một nền kinh tế rất đa dạng, đó không chỉ là nền kinh tế dựa vào nông nghiệp, vào thủ công nghiệp, vào khai thác lâm sản hay hải sản mà là mô hình kinh tế tổng hoà của các nguồn lợi của xứ Thuận - Quảng. Chúa Nguyễn đã mang cái nhìn vượt

thời đại, mà ở đây chính là cái nhìn vượt qua không gian đồng bằng chật hẹp để thừa nhận và phát huy tối đa những nguồn lực mà các không gian địa lý khác mang lại. Với không gian của núi rừng phía tây, chúa Nguyễn dường như bằng thương mại - mối quan hệ lâu đời nhất giữa người miền ngược và miền xuôi, để thu về nguồn lợi to lớn từ rừng, với những sản vật quý như ngà voi, sừng tê, sáp ong, trầm hương, da hươu... Những mối liên hệ xuôi ngược được thiết lập trên trục lộ của các dòng sông đã tạo nên sự giao hòa kinh tế, văn hóa độc đáo giữa chính quyền Thuận Hóa vùng đồng bằng và những thiết chế chính trị của các tộc trưởng ở sâu trong nội địa rừng núi. Phải chăng đây chính là nền tảng để chúa Nguyễn duy trì mối quan hệ hòa hiếu với người Thượng trong hơn 200 năm. Khi kéo giãn không gian địa lý của Đàng Trong về phía Nam, mở ra vùng châu thổ Nam Bộ rộng lớn, chúa Nguyễn đã cho thấy cái nhìn hết sức năng động và cởi mở khi thừa nhận sự đa dạng vốn có của các thành phần cư dân tại đây. Hơn nữa, trong môi trường sông nước với những mối lợi về buôn bán, trao đổi, chúa Nguyễn đã thừa nhận vai trò của người Hoa khi cho họ được khai phá lập làng, tổ chức họ trong những đơn vị hành chính của chính quyền Thuận Hóa. Thực tế đã cho thấy những lợi ích thương mại mà cộng đồng người Hoa, hay họ Mạc ở Hà Tiên mang lại cho chúa Nguyễn là không thể phủ nhận.

Nắm bắt được vị thế quan trọng của các thương cảng Đàng Trong trong mạng lưới hải thương khu vực, chúa Nguyễn đã thực thi một chính sách thoáng mở tại các cảng biển, không ngừng mời gọi thương nhân các nước đến giao thương, buôn bán, biến Hội An và nhiều cảng thị của Đàng Trong thành hội chợ thương mại lý tưởng cho thuyền buôn các nước đến giao dịch. Vai trò trung gian này của thị trường Đàng Trong góp phần quyết định trong việc tạo nên sự hưng thịnh cho kinh tế ngoại thương. Thuyền buôn của các thương nhân Trung Hoa, Đông Nam Á, phương Tây… tấp nập ra vào trên các cảng thị của Đàng Trong đã tạo nên không khí buôn bán sôi nổi chưa từng có trong lịch sử phong kiến Việt Nam, như lời miêu tả của nhà bác học Lê Quý Đôn (2007: 295) về xứ Quảng: “Thuyền từ Quảng Châu đến trấn Sơn Nam về thì chỉ mua được một thứ củ nâu, thuyền từ Thuận Hóa về cũng chỉ có một thứ hồ tiêu; còn từ Quảng Nam về thì các hàng không món gì không có, các nước phiên không kịp được. Phàm hóa vật sản xuất ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang, đường thủy đường bộ, đi thuyền đi ngựa, đều hội tập ở phố Hội An, vì thế người khách phương Bắc đều đến tụ tập ở đấy để mua về nước. Trước đây hàng hóa nhiều lắm, dù trăm chiếc tàu to chở cùng một lúc cũng không hết được”. ❑

CHÚ THÍCH

(*) Bài viết là kết q uả nghiên cứu của Đề tài cấp cơ sở mã số: CS.2018.14.

(1) Khi bàn về sự kiện này, nhà sử học Keith Taylor cho rằng: "Đoan quận công đã hoàn toàn quay lưng lại thế giới nơi ông được dựng lên và cũng là nơi ông tiến hành tham vọng của mình suốt hơn nửa thế kỷ. Có khả năng bởi rằng một thế giới khác đã vẫy gọi. Một thế giới chưa định hình đã được an bài trở thành nơi người Việt Nam tìm thấy sự giải thoát khỏi những đòi hỏi truyền thống, nơi những sử gia Việt Nam mô tả như một miền duyên hải thiên đường của hòa bình, phồn vinh và những thương nhân ngoại quốc" (Keith Taylor, 2001: 8).

(2) Theo ghi chép của *Dư địa chí*: Thuận Hóa là đất Nhật Nam đời Hán, đời Tùy là đất quận Tỷ Cảnh, cuối Tùy lại thuộc về đất Lâm Ấp, đến thời Tống là đất Chiêm Thành, gồm các châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính, Ô, Lý. Năm Hưng Long thứ 15 (1307), Trần Anh Tông lấy hai châu Ô, Lý đặt làm Thuận Châu và Hóa Châu. Năm Long Khánh thứ 3 (1375), đổi Lâm Bình ra Tân Bình. Thời Minh chia làm 2 phủ Tân Bình và Thuận Hóa. Lê sơ đổi Tân Bình và Thuận Hóa làm hai lộ thuộc đảo Hải Tây. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đặt làm Thuận Hóa thừa tuyên. Đạo Thuận Hóa thời Lê là đất Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên cùng với một phần đất Quảng Nam (Hòa Vang, Điện Bàn, Đại Lộc) ngày nay (xem thêm Nguyễn Trãi, 2001, tập 2: 560-561).

(3) Chỉ sau 10 năm, Nguyễn Hoàng đã mang đến một diện mạo hoàn toàn mới cho vùng Thuận Hóa: "Đoan quận công có uy lược, xét kỹ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối. Cai trị hơn 10 năm, chính sự khoan hòa, việc gì cũng thường làm ơn cho dân, dùng phép công bằng, răn giữ bản hộ, cấm đoán kẻ hung dữ. Quân dân hai xứ thân yên tín phục, cảm nhân mến đức, dời đổi phong tục, chợ không bán hai giá, người không ai trộm cướp, cửa ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều đến mua bán, đổi chác phải giá, quân lệnh nghiêm trang, ai cũng cố gắng, trong cõi đều an cư lạc nghiệp. Hàng năm nộp thuế má để giúp việc quân việc nước, triều đình cũng được nhờ" (Lê Quý Đôn, 2007: 62).

(4) Về niên đại ra đời của đội Hoàng Sa dưới thời chúa Nguyễn, chúng tôi ủng hộ quan điểm của GS. Nguyễn Quang Ngọc trong công trình nghiên cứu mới nhất của ông về Hoàng Sa. Trong công trình này, ông cho rằng "Tư liệu tập hợp cho đến thời điểm này ủng hộ nhận định đội Hoàng Sa xuất hiện lần đầu tiên vào khoảng những năm cuối thập kỷ 20 và năm đầu thập kỷ 30 của thế kỷ XVII. Đây là thời gian trị vì của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên và vì thế có thể nói chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên chính là người đã lập ra đội Hoàng Sa – một hình thức khai chiếm, xác lập và thực thi chủ quyền hết sức độc đáo trên các vùng quần đảo giữa Biển Đông" (Nguyễn Quang Ngọc, 2018: 149).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Barrow, J. 2008. *Một chuyến du hành tới xứ Nam Hà (1792-1793).* Hà Nội: Nxb. Thế giới.

2. Borri, Cristophoro. 1998. *Xứ Đàng Trong năm 1621*. TPHCM: Nxb. TPHCM.

3. Dương Văn An. 2009. *Ô châu cận lục*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

4. Hardy, Andrew. 2008. "'Nguồn' trong kinh tế hàng hóa Đàng Trong", trong *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Thanh Hóa ngày 18-19/10/2008. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

5. Lê Quý Đôn. 2007. *Phủ biên tạp lục*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

6. Li Tana. 1998. "An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the Seventeenth and Eighteenth Centuries". *Journal of Southeast Asian Studies* 29, 1 (March 1998).

7. Maybon, Charles B.. 2011. *Những người Châu Âu ở nước An Nam*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

8. Nguyễn Quang Ngọc. 2018. *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa - Tư liệu và sự thật lịch sử*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Nguyễn Trãi. 2001. *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.

10. Poirve, Pierre. 1993. "Voyage de Pierre Poirve en Cochinchine", in trong Li Tana - Anthony Reid. 1993. *Southern Vietnam Under the Nguyen, Documents on the Economic History of Cochinchina (Đàng Trong) 1602 -1777.* Institute of Southeast Asia Studies.

11. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2002. *Đại Nam thực lục*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

12. Rhodes, Alexandre De. 1994. *Hành trình và truyền giáo*. Ủy ban Đoàn kết Công giáo TPHCM.

13. Shiro, Momoki. 1999. "Chămpa chỉ là một thể chế biển". *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.

14. Taylor, Keith. 2001. "Nguyễn Hoàng và bước khởi đầu cuộc Nam tiến". *Tạp chí Xưa và Nay*, số 104, 11/2001.

15. Thích Đại Sán. 1963. *Hải ngoại ký sự*. Huế: Viện Đại học Huế.

16. Trần Quốc Vượng (chủ biên). 1996. *Biển với người Việt cổ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.

17. Trần Quốc Vượng. 2006. "Xứ Huế và vị thế lịch sử của nó", trong Trần Quốc Vượng. 2006. *Dặm dài đất nước: những vùng đất, con người và tâm thức người Việt*, (tập II). Huế: Nxb. Thuận Hóa.

18. Trần Quốc Vượng. 2008. "Chiêm cảng Hội An với cái nhìn về biển của người Chàm và người Việt", trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về khu phố cổ Hội An*, ngày 23 - 24/7/1985, Hội An, Quảng Nam.

19. Trịnh Hoài Đức. 1998. *Gia Định thành thông chí*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

20. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học (Nguyễn Minh Hoàng dịch). 2013. *Thư của các giáo sĩ thừa sai*. Hà Nội: Nxb. Văn học.

21. Wheeler, Charles. 2006. "Re-thinking the Sea in Vietnamese History: Littoral Society in the Integration of Thuận - Quảng Seventeenth - Eighteenth Centuries". *Journal of Southeast Asian Studies*, 37.